PHỤ LỤC SỐ 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Công ty CP Thép Pomina -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 44.../HĐQT/2021	*Bình Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2022*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên công ty niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường 27, KCN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương
-Điện thoại: *0274 -3710051* Fax: 0274 - 3740862 Email: pominasteel@hcm.vnn.vn
- Vốn điều lệ/ *Charter capital: 2.796.763.360.000 VNĐ*
- Mã chứng khoán/ *Securities code: POM*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông: (báo cáo năm 2021)

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 04/NQ-ĐHCĐ/2021	18-1-2021	Thông qua sử dụng quỹ phát triển của Công ty mẹ.
2	Số 02/HĐQT/2021	26/03/2021	Thông qua báo cáo thường niên và báo cáo tài chính 2020
3	Số 03/NQ-HĐQT/2021	27-05-2021	Thông qua báo cáo hoạt động Quý I/2021 của Ban Điều hành và xác định việc tổ chức ĐHCĐ thường niên 2021 vào ngày 25/6/2021.
4	Số 05/NQ-HĐQT/2021	25-06-2021	Nghị quyết họp ĐHĐCD thường niên 2021. Xác định việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2020 vào ngày 26-6-2020.

5	Số 08/NQ-HĐQT/2021	28-06-2021	Cam kết dùng một phần tài sản hoặc các nguồn thu hợp pháp của Công ty để bảo lãnh cho các nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP Thép Pomina 2 phát sinh tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.
6	Biên bản họp ĐHĐCĐ 2021	25-06-2021	Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
7	Biên bản họp số 08/2021	28-06-2021	Thông qua cam kết dùng một phần tài sản hoặc các nguồn thu hợp pháp của Công ty để bảo lãnh cho các nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP Thép Pomina 2.

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2021):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Đỗ Văn Khánh	Chủ tịch HĐQT	25-6-2021	2	100%	
02	Ông Đỗ Tiến Sĩ	TV HĐQT Kiêm TGĐ	25-6-2021	2	100%	
03	Ông Đỗ Duy Thái	Thành viên HĐQT	25-6-2021	2	100%	
04	Bà Đỗ Xuân Chiểu	Thành viên HĐQT	25-6-2021	2	100%	
05	Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	Thành viên HĐQT	25-6-2021	2	100%	
06	Bà Võ Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT Độc Lập	27-4-2018	2	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc: (báo cáo năm 2021)

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *Không có*

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị: (báo cáo năm 2021)

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 04/NQ-ĐHCĐ/2021	18-1-2021	Thông qua sử dụng quỹ phát triển của Công ty mẹ.
2	Số 02/HĐQT/2021	26/03/2021	Thông qua báo cáo thường niên và báo cáo tài chính 2020

3	Số 03/NQ-HĐQT/2021	27-05-2021	Thông qua báo cáo hoạt động Quý I/2021 của Ban Điều hành và xác định việc tổ chức ĐHCĐ thường niên 2021 vào ngày 25/6/2021.
4	Số 05/NQ-HĐQT/2021	25-06-2021	Nghị quyết họp ĐHĐCD thường niên 2021. Xác định việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2020 vào ngày 26-6-2020.
5	Số 08/NQ-HĐQT/2021	28-06-2021	Cam kết dùng một phần tài sản hoặc các nguồn thu hợp pháp của Công ty để bảo lãnh cho các nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP Thép Pomina 2 phát sinh tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.
6	Biên bản họp ĐHĐCĐ 2021	25-06-2021	Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
7	Biên bản họp số 08/2021	28-06-2021	Thông qua cam kết dùng một phần tài sản hoặc các nguồn thu hợp pháp của Công ty để bảo lãnh cho các nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP Thép Pomina 2.

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2021)*:*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Trần Tô Tử	Trưởng ban	26-5-2021	2	100%	
02	Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Hạnh	Thành viên	26-5-2021	2	100%	
03	Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm	Thành viên	26-5-2021	2	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: **Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý**

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: **Tham dự và góp ý trong các các cuộc họp HĐQT**

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có): **không có**

IV. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training on corporate governance:*

Công ty đã cử thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ tham dự các khóa đào tạo về quản trị công ty.

Các khóa đào tạo về quản trị công ty thực hiện trong năm 2021: **không có**

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty: (báo cáo năm 2021)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *List of affiliatedpersons of the Company*

STT	Tên tổchức/ cánhân	Tàikhoản giaodịch chứngkhoán (nếucó)	Chứcvụ tại côngty (nếucó)	Số CMND/ ĐKKD	Ngàycấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND ĐKKD	Địachỉ	Thời điểm là người bắt đầu có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
01	**Đỗ Văn Khánh**		**CT.HĐQT**	021692529	3-10-2011	TPHCM	281/2 Bis Lý Thường Kiệt F15. Q11	25/06/2021		
1.1	Đỗ Văn Huấn							25/06/2021		Cha
1.2	Triệu Thị Nhật							25/06/2021		Mẹ
1.3	Đỗ Thị Nguyệt			310128091	8-5-2009	Tiền Giang	2/20 CX Lữ Gia – Q11	25/06/2021		Chị
1.4	Đỗ Văn Phúc			021328455	8-4-2002	TPHCM	9 Đường2 CX Lữ Gia Q11	25/06/2021		Anh
1.5	Đỗ Duy Thái		TV.HĐQT	021688233	19-1-1995	TPHCM	14 Lữ Gia F15. Q11	25/06/2021		Anh
1.6	Đỗ Thị Kim Lang			020803519	24-3-2009	TPHCM	29 Đường2 CX Lữ GiaQ11	25/06/2021		Chị
1.7	Đỗ Thị Kim Cúc			020985261	26-3-2009	TPHCM	6/16 Đường số 3 CX Lữ Gia Q11	25/06/2021		Chị
1.8	Đỗ Xuân Chiểu		TV.HĐQT	022532931	23-8-1988	TP.HCM	153/8 Nguyễn Văn Hưởng, P Thảo Điền, Q2	25/06/2021		Anh
1.9	Nhung Do						Định cư tại Mỹ	25/06/2021		Em
1.10	Đỗ Thị Kim Ngọc						30 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, P15, Q11, HCM	25/06/2021		Em
1.11	Trương Geb Đỗ Thị Cẩm Hương						Định cư tại Đức	25/06/2021		Chị
1.12	Đỗ Tiến Sĩ		TV.HĐQT kiêm TGĐ	021688204	26-11-1996	TPHCM	35 Đường 31, P Bình An Q2, HCM	25/06/2021		Em
1.13	Đỗ Hoài Khánh Linh		TV.HĐQT	022168094	20-5-2008	TPHCM	21/5B Lý Chính Thắng Q3	25/06/2021		Em
1.14	Trần Kim Phượng			021727894	4-11-2002	TPHCM	281/2B2Lý ThườngKiệt Q11	25/06/2021		Vợ
1.15	Đỗ Ngọc Sang			024752348	17-10-2007	TPHCM	281/2B Lý Thường Kiệt Q11	25/06/2021		Con
1.16	Đỗ Trường Thụy			025190165	21-11-2009	TPHCM	281/2B Lý Thường Kiệt Q11	25/06/2021		Con
02	**Đỗ Xuân Chiểu**		**TV.HĐQT**	022532931	23-8-1988	TPHCM	153/8 Nguyễn Văn Hưởng, P Thảo Điền, Q2	25/06/2021		
2.1	Đỗ Văn Huấn							25/06/2021		Cha
2.2	Triệu Thị Nhật							25/06/2021		Mẹ
2.3	Đỗ Thị Nguyệt			310128091	8-5-2009	Tiền Giang	2/20 CX Lữ Gia Q11	25/06/2021		Chị
2.4	Đỗ Văn Phúc			021328455	8-4-2002	TPHCM	9 Đường2 CX Lữ Gia Q11	25/06/2021		Anh
2.5	Đỗ Duy Thái		TV.HĐQT	021688233	19-1-1995	TPHCM	14 Lữ Gia F15. Q11	25/06/2021		Anh
2.6	Đỗ Thị Kim Lang			020803519	24-3-2009	TPHCM	29 Đường 2 CX Lữ Gia Q11	25/06/2021		Chị
2.7	Đỗ Thị Kim Cúc			020985261	26-3-2009	TPHCM	6/16 Đường số 3 CX Lữ Gia Q11	25/06/2021		Em
2.8	Nhung Do						Định cư tại Mỹ	25/06/2021		Em
2.9	Đỗ Thị Kim Ngọc						30 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, P15, Q11, HCM	25/06/2021		Em

2.10	Trương Geb Đỗ Thị Cẩm Hương						Định cư tại Đức	25/06/2021		Em
2.11	Đỗ Văn Khánh		CT.HĐQT	021692529	3-10-2011	TPHCM	281/2 Bis Lý Thường Kiệt F15. Q11	25/06/2021		Em
2.12	Đỗ Tiến Sĩ		TV.HĐQT kiêm TGĐ	021688204	26-11-1996	TPHCM	35 Đường 31, P Bình An Q2, HCM	25/06/2021		Em
2.13	Đỗ Hoài Khánh Linh		TV.HĐQT	022168094	20-5-2008	TPHCM	21/5B Lý Chính Thắng.Q3	25/06/2021		Em
2.14	Nguyễn Thị Tuyết			021546348	27-12-2002	TPHCM	153/8 Nguyễn Văn Hưởng, P Thảo Điền, Q2	25/06/2021		Vợ
2.15	Đỗ Diệu Huyền			023446482	13-8-1998	TPHCM	153/8 Nguyễn Văn Hưởng, P Thảo Điền, Q2	25/06/2021		Con
2.16	Đỗ Thị Thùy Kim			024047283	27-12-2002	TPHCM	153/8 Nguyễn Văn Hưởng, P Thảo Điền, Q2	25/06/2021		Con
2.17	Đỗ Đức Chung			024265133	16-7-2004	TPHCM	153/8 Nguyễn Văn Hưởng, P Thảo Điền, Q2	25/06/2021		Con
03	**Đỗ Duy Thái**		**TV.HĐQT**	021688233	19-1-1995	TPHCM	14 Lữ Gia F15. Q11	26/05/2021		
3.1	Đỗ Văn Huấn							26/05/2021		Cha
3.2	Triệu Thị Nhật							26/05/2021		Mẹ
3.3	Đỗ Thị Nguyệt			310128091	8-5-2009	Tiền Giang	2/20 CX Lữ Gia – Q11	26/05/2021		Chị
3.4	Đỗ Văn Phúc			021328455	8-4-2002	TPHCM	9 Đường2 CX Lữ Gia Q11	26/05/2021		Anh
3.5	Đỗ Thị Kim Lang			020803519	24-3-2009	TPHCM	29 Đường2 CX Lữ Gia Q11	26/05/2021		Em
3.6	Đỗ Xuân Chiều		TV.HĐQT	022532931	23-8-1988	HCM	153/8 Nguyễn Văn Hưởng, P Thảo Điền, Q2	26/05/2021		Em
3.7	Đỗ Thị Kim Cúc			020985261	26-3-2009	TPHCM	6/16Đường3CX Lữ Gia Q11	26/05/2021		Em
3.8	Nhung Do						Định cư tại Mỹ	26/05/2021		Em
3.9	Đỗ Thị Kim Ngọc						30 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, P15, Q11, HCM	26/05/2021		Em
3.10	Trương Geb Đỗ Thị Cẩm Hương						Định cư tại Đức	26/05/2021		Em
3.11	Đỗ Văn Khánh		CT.HĐQT	021692529	3-10-2011	TPHCM	281/2 Bis Lý Thường Kiệt F15. Q11	26/05/2021		Em
3.12	Đỗ Tiến Sĩ		TV.HĐQT kiêm TGĐ	021688204	26-11-1996	TPHCM	35 Đường 31, P Bình An Q2, HCM	26/05/2021		Em
3.13	Đỗ Hoài Khánh Linh		TV.HĐQT	022168094	20-5-2008	TPHCM	21/5B Lý Chính Thắng Q3	26/05/2021		Em
3.14	Phạm Thanh Nghị			023666660	29-9-1998	TPHCM	14 Lữ Gia F15.Q11	26/05/2021		Vợ
3.15	Đỗ Duy Hiếu			023634798	22-10-1998	TPHCM	14 Lữ Gia F15.Q11	26/05/2021		Con
04	**Đỗ Tiến Sĩ**		**TV.HĐQT & TGĐ**	021688204	26-11-1996	TPHCM	35 Đường 31, P Bình An Q2, HCM	26/05/2021		
4.1	Đỗ Văn Huấn							26/05/2021		Cha
4.2	Triệu Thị Nhật							26/05/2021		Mẹ
4.3	Đỗ Thị Nguyệt			310128091	8-5-2009	Tiền Giang	2/20 CX Lữ Gia – Q11	26/05/2021		Chị
4.4	Đỗ Văn Phúc			021328455	8-4-2002	TPHCM	9 Đường2 CX Lữ Gia Q11	26/05/2021		Anh
4.5	Đỗ Duy Thái		TV.HĐQT	021688233	19-1-1995	TPHCM	14 Lữ Gia F15. Q11	26/05/2021		Anh

4.6	Đỗ Thị Kim Lang			020803519	24-3-2009	TPHCM	29 Đường2 CX Lữ Gia Q11	26/05/2021		Chị
4.7	Đỗ Xuân Chiều		TV.HĐQT	022532931	23-8-1988	TP.HCM	153/8 Nguyễn Văn Hưởng, P Thảo Điền, Q2	26/05/2021		Anh
4.8	Đỗ Thị Kim Cúc			020985261	26-3-2009	TPHCM	6/16Đường3 CX Lữ Gia Q11	26/05/2021		Chị
4.9	Nhung Do						Định cư tại Mỹ	26/05/2021		Chị
4.10	Đỗ Thị Kim Ngọc						30 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, P15, Q11, HCM	26/05/2021		Chị
4.11	Trương Geb Đỗ Thị Cẩm Hương						Định cư tại Đức	26/05/2021		Chị
4.12	Đỗ Văn Khánh		CT.HĐQT	021692529	3-10-2011	TPHCM	281/2 Bis Lý Thường Kiệt F15. Q11	26/05/2021		Anh
4.13	Đỗ Hoài Khánh Linh		TV.HĐQT	022168094	20-5-2008	TPHCM	21/5B Lý Chính Thắng Q3	26/05/2021		Em
4.14	Nguyễn Tuyết Anh			023683247	22-5-1999	TPHCM	35 Đường 31, P Bình An Q2, HCM	26/05/2021		Vợ
05	**Đỗ Hoài Khánh Linh**		**TV.HĐQT**	022168094	20-5-2008	TPHCM	21/5B Lý Chính Thắng Q3	26/05/2021		
5.1	Đỗ Văn Huấn							26/05/2021		Cha
5.2	Triệu Thị Nhật							26/05/2021		Mẹ
5.3	Đỗ Thị Nguyệt			310128091	8-5-2009	Tiền Giang	2/20 CX Lữ Gia – Q11	26/05/2021		Chị
5.4	Đỗ Văn Phúc			021328455	8-4-2002	TPHCM	9 Đường2 CX Lữ Gia Q11	26/05/2021		Anh
5.5	Đỗ Duy Thái		TV.HĐQT	021688233	19-1-1995	TPHCM	14 Lữ Gia F15. Q11	26/05/2021		Anh
5.6	Đỗ Thị Kim Lang			020803519	24-3-2009	TPHCM	29 Đường2 CX Lữ Gia Q11	26/05/2021		Chị
5.7	Đỗ Xuân Chiều		TV.HĐQT	022532931	23-8-1988	TP.HCM	153/8 Nguyễn Văn Hưởng, P Thảo Điền, Q2	26/05/2021		Anh
5.8	Đỗ Thị Kim Cúc			020985261	26-3-2009	TPHCM	6/16Đường3 CX Lữ Gia Q11	26/05/2021		Chị
5.9	Nhung Do						Định cư tại Mỹ	26/05/2021		Chị
5.10	Đỗ Thị Kim Ngọc						30 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, P15, Q11, HCM	26/05/2021		Chị
5.11	Trương Geb Đỗ Thị Cẩm Hương						Định cư tại Đức	26/05/2021		Chị
5.12	Đỗ Văn Khánh		CT.HĐQT	021692529	3-10-2011	TPHCM	281/2 Bis Lý Thường Kiệt F15. Q11	26/05/2021		Anh
5.13	Đỗ Tiến Sĩ		TV.HĐQT kiêm TGĐ	021688204	26-11-1996	TPHCM	35 Đường 31, P Bình An Q2, HCM	26/05/2021		Anh
5.14	Nguyễn Thanh Lan			022717281	19-5-2008	TPHCM	21/5B Lý Chính Thắng Q3	26/05/2021		Vợ
5.15	Đỗ Gia Hy						21/5B Lý Chính Thắng Q3	26/05/2021		Con
5.16	Đỗ Hy An						21/5B Lý Chính Thắng Q3	26/05/2021		Con
06	**Trần Tô Tử**	014C 000077	**Trưởng BKS**	021830706	5-2-2004	TP.HCM	21/5/1 LýChínhThắng Q.3	26/05/2021		
6.1	Trần Phước							26/05/2021		Cha
6.2	Nhan Thị Sanh			020196905	9-6-2008	TP.HCM	37A TrầnQuangKhải Q.1	26/05/2021		Mẹ
6.3	Bùi Bạch Tuyết			020028501	5-2-2004	TP.HCM	21/5/1 LýChínhThắng Q.3	26/05/2021		Vợ

6.4	Trần Kim Giao			023426753	12-8-1997	TP.HCM	21/5/1 LýChínhThắng Q.3	26/05/2021		Con
6.5	Trần Minh Triết			024208056	5-2-2004	TP.HCM	21/5/1 LýChínhThắng Q.3	26/05/2021		Con
6.6	Trần Minh Thái			025342528	4-5-2012	TP.HCM	21/5/1 LýChínhThắng Q.3	26/05/2021		Con
07	**Nguyễn Ngọc Mỹ Hạnh**		**TV.BKS**	079188008196	26-12-2017	TP.HCM	397 Thống Nhất, P11, Q Gò Vấp, HCM	26/05/2021		
7.1	Nguyễn Văn Dũng			079056001966	26-12-2016	TP.HCM	397 Thống Nhất, P11, Q Gò Vấp, HCM	26/05/2021		Cha
7.2	Từ Mỹ Hương			079156002191	26-12-2016	TP.HCM	397 Thống Nhất, P11, Q Gò Vấp, HCM	26/05/2021		Mẹ
08	**Nguyễn Thị Hồng Thắm**		**TV.BKS**	273086558	16-7-2014	BR-VT	Tổ 4, Ấp Tây, Xã Long Phước, TP BR, BR-VT	26/05/2021		
8.1	Nguyễn Văn Bền			077161000719	26-2-2019	BR-VT	Tổ 4, Ấp Tây, Xã Long Phước, TP BR, BR-VT	26/05/2021		Cha
8.2	Lâm Thị Giàu			077161000718	26-2-2019	BR-VT	Tổ 4, Ấp Tây, Xã Long Phước, TP BR, BR-VT	26/05/2021		Mẹ
8.3	Vanh Khoa Ngọc Thuận			273068546	12-7-2014	BR-VT	Tổ 4, Ấp Tây, Xã Long Phước, TP BR, BR-VT	26/05/2021		Chồng
8.4	Vanh Nguyễn Hà Thy						Tổ 4, Ấp Tây, Xã Long Phước, TP BR, BR-VT	26/05/2021		Con
8.5	Vanh Nguyễn Đăng Thành						Tổ 4, Ấp Tây, Xã Long Phước, TP BR, BR-VT	26/05/2021		Con
09	**NguyễnNhật Trường**		**KTT**	024863091	6-12-2007	TPHCM	198 Lý tế Xuyên, Thủ Đức	15/01/2009		
9.1	Nguyễn Minh Cang			320426052	16-10-2007	Bến Tre	Lương Phú, Giồng Trôm BT	15/01/2009		Cha
9.2	Võ Mỹ Phước			320426051	16-10-2007	Bến Tre	Lương Phú, Giồng Trôm BT	15/01/2009		Mẹ
9.3	Nguyễn Thị Thu Hồng			023231427	9-3-2012	.TPHCM	198 Lý tế Xuyên, Thủ Đức	15/01/2009		Vợ
9.4	Nguyễn Trường Thịnh						198 Lý tế Xuyên, Thủ Đức	15/01/2009		Con

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): **Không có**

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: **Không có**

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: **Không có**

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2021):

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *List of internalpersons and their affiliatedpersons*

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
01	**Đỗ Xuân Chiểu**		**TV.HĐQT**			1.650.480	0.59%	
1.1	Đỗ Văn Huấn							Cha
1.2	Triệu Thị Nhật							Mẹ
1.3	Đỗ Thị Nguyệt					4.588.103	1.64%	Chị
1.4	Đỗ Văn Phúc					3.536.538	1.26%	Anh
1.5	Đỗ Duy Thái					869.400	0.31%	Anh
1.6	Đỗ T Kim Lang					353.788	0.13%	Chị
1.7	Đỗ T Kim Cúc					8.118.264	2.90%	Em
1.8	Nhung Do					7.283.927	2.60%	Em
1.9	Đỗ Thị Kim Ngọc					15.407.384	5.51%	Em
1.10	Trương Geb Đỗ Thị Cẩm Hương					2.486.118	0.89%	Em
1.11	Đỗ Văn Khánh		CT.HĐQT			825.240	0.30%	Em
1.12	Đỗ Tiến Sĩ		TV.HĐQT kiêm TGĐ			8.602.216	3.08%	Em
1.13	Đỗ Hoài Khánh Linh		TV.HĐQT			542.811	0.19%	Em
1.14	Nguyễn Thị Tuyết					8.160.504	2.92%	Vợ
1.15	Đỗ Diệu Huyền							Con
1.16	Đỗ Thị Thùy Kim							Con
1.17	Đỗ Đức Chung							Con
02	**Đỗ Duy Thái**		**TV.HĐQT**			869.400	0.31%	
2.1	Đỗ Văn Huấn							Cha

2.2	Triệu Thị Nhật							Mẹ
2.3	Đỗ Thị Nguyệt					4.588.103	1.64%	Chị
2.4	Đỗ Văn Phúc					3.536.538	1.26%	Anh
2.5	Đỗ Thị Kim Lang					353.788	0.13%	Em
2.6	Đỗ Xuân Chiểu		TV.HĐQT			1.650.480	0.59%	Em
2.7	Đỗ Thị Kim Cúc					8.118.264	2.90%	Em
2.8	Nhung Do					7.283.927	2.60%	Em
2.9	Đỗ Thị Kim Ngọc					15.407.384	5.51%	Em
2.10	Trương Geb Đỗ Thị Cẩm Hương					2.486.118	0.89%	Em
2.11	Đỗ Văn Khánh		CT.HĐQT			825.240	0.30%	Em
2.12	Đỗ Tiến Sĩ		TV.HĐQT kiêm TGĐ			8.602.216	3.08%	Em
2.13	Đỗ Hoài Khánh Linh		TV.HĐQT			542.811	0.19%	Em
2.14	Phạm Thanh Nghị					8.383.784	3.00%	Vợ
2.15	Đỗ Duy Hiếu					424.841	0.15%	Con
03	**Đỗ Tiến Sĩ**		**TV.HĐQT& TGĐ**			**8.602.216**	**3.08%**	
3.1	Đỗ Văn Huấn							Cha
3.2	Triệu Thị Nhật							Mẹ
3.3	Đỗ Thị Nguyệt					4.588.103	1.64%	Chị
3.4	Đỗ Văn Phúc					3.536.538	1.26%	Anh
3.5	Đỗ Duy Thái					869.400	0.31%	Anh
3.6	Đỗ T Kim Lang					353.788	0.13%	Chị
3.7	Đỗ Xuân Chiểu		TV.HĐQT			1.650.480	0.59%	Anh
3.8	Đỗ Thị Kim Cúc					8.118.264	2.90%	Chị
3.9	Nhung Do					7.283.927	2.60%	Chị

3.10	Đỗ Thị Kim Ngọc					15.407.384	5.51%	Chị
3.11	Trương Geb Đỗ Thị Cẩm Hương					2.486.118	0.89	Chị
3.12	Đỗ Văn Khánh		CT.HĐQT			825.240	0.30%	Anh
3.13	Đỗ Hoài Khánh Linh		TV.HĐQT			542.811	0.19%	Em
3.14	Nguyễn Tuyết Anh							Vợ
04	**Đỗ Văn Khánh**		**CT.HĐQT**			**825.240**	**0.30%**	
4.1	Đỗ Văn Huấn							Cha
4.2	Triệu Thị Nhật							Mẹ
4.3	Đỗ Thị Nguyệt					4.588.103	1.64%	Chị
4.4	Đỗ Văn Phúc					3.536.538	1.26%	Anh
4.5	Đỗ Duy Thái					869.400	0.31%	Anh
4.6	Đỗ T Kim Lang					353.788	0.13%	Chị
4.7	Đỗ Xuân Chiểu		T.VHĐQT			1.650.480	0.59%	Anh
4.8	Nhung Do					7.283.927	2.60%	Em
4.9	Đỗ Thị Kim Ngọc					15.407.384	5.51%	Em
4.10	Trương Geb Đỗ Thị Cẩm Hương					2.486.118	0.89%	Chị
4.11	Đỗ Tiến Sĩ		TV.HĐQT kiêm TGĐ			8.602.216	3.08%	Em
4.12	Đỗ Hoài Khánh Linh		TV.HĐQT			542.811	0.19%	Em
4.13	Trần Kim Phượng					7.602.986	2.72%	Vợ
4.14	Đỗ Ngọc Sang					869.929	0.31%	Con
4.15	Đỗ Trường Thụy							Con
05	**Đỗ Hoài Khánh Linh**		**TV.HĐQT**			**542.811**	**0.19%**	
5.1	Đỗ Văn Huấn							Cha
5.2	Triệu Thị Nhật							Mẹ

5.3	Đỗ Thị Nguyệt					4.588.103	1.64%	Chị
5.4	Đỗ Văn Phúc					3.536.538	1.26%	Anh
5.5	Đỗ Duy Thái					869.400	0.31%	Anh
5.6	Đỗ T Kim Lang					353.788	0.13%	Chị
5.7	Đỗ Xuân Chiều		T.VHĐQT			1.650.480	0.59%	Anh
5.8	Nhung Do					7.283.927	2.60%	Chị
5.9	Đỗ Thị Kim Ngọc					15.407.384	5.51%	Chị
5.10	Trương Geb Đỗ Thị Cẩm Hương					2.486.118	0.89%	Chị
5.11	Đỗ Tiến Sĩ		TV.HĐQT kiêm TGĐ			8.602.216	3.08%	Anh
5.12	Đỗ Văn Khánh		CT.HĐQT			825.240	0.30%	Anh
5.13	Nguyễn Thanh Lan					3.256.275	1.16%	Vợ
5.14	Đỗ Gia Hy							Con
5.15	Đỗ Hy An							Con
06	**Trần Tô Tử**	014C 000077	**Trưởng BKS**			4.297		
6.1	Trần Phước							Cha
6.2	Nhan Thị Sanh							Mẹ
6.3	Bùi Bạch Tuyết							Vợ
6.4	Trần Kim Giao					6.019		Con
6.5	Trần Minh Triết							Con
6.6	Trần Minh Thái							Con
07	**Nguyễn Ngọc Mỹ Hạnh**		**TV.BKS**					
7.1	Nguyễn Văn Dũng							Cha
7.2	Từ Mỹ Hương							Mẹ
08	**Nguyễn Thị Hồng Thắm**		**TV.BKS**					

8.1	Nguyễn Văn Bến							Cha
8.2	Lâm Thị Giàu							Mẹ
8.3	Vanh Khoa Ngọc Thuận							Chồng
8.4	Vanh Nguyễn Hà Thy							Con
8.4	Vanh Nguyễn Đăng Thành							Con
09	**NguyễnNhật Trường**		**KTT**					
9.1	Nguyễn Minh Cang							Cha
9.2	Võ Mỹ Phước							Mẹ
9.3	Nguyễn T Thu Hồng							Vợ
9.4	NguyễnTrường Thịnh							Con

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết: **Không**

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác (báo cáo năm 2021): Không có

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA

Đỗ Văn Khánh